UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1673/QĐ-TCĐYT-HSSV

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc cấp tiền miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2017-2018 cho học sinh- sinh viên hệ chính quy Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ TC, CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021.

Căn cứ Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng xét cấp tiền miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh – sinh viên hệ chính quy của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp tiền miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập của Học kỳ I năm học 2017 - 2087 cho học sinh - sinh viên các ngành thuộc hệ chính quy của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Số tiền miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh – sinh viên được hạch toán vào nguồn thu học phí của nhà trường.

Điều 3. Trưởng các đơn vị phòng; bộ môn; giáo viên chủ nhiệm lớp; các đơn vị có liên quan và những học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH
- Phòng KH-TC (để thực hiện).
- Phòng QLHSSV (để thực hiện).
- GVCN các lớp
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

TS. Nguyễn Đăng Trường

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ 100% - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017-2018 - KHU VỰC HÀ NỘI

Đối tượng con người có công, dân tộc hộ nghèo/hộ cận nghèo ở vùng 135

(Áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI CHÚ
						ĐĐN	GKS	HK	GCN/ THẺ	ĐCK		
1	Nguyễn Thị Kim Hằng	16/4/1997	Hợp Đồng - Chương Mỹ - Hà Nội	CĐ ĐDK7K	CTB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
2	Nguyễn Thị Luyên	11/4/1996	Hương Sơn - Mỹ Đức - Hà Nội	CĐ ĐDK7K	CBB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
3	Nguyễn Thị Thùy Giang	27/02/1998	Đại Hưng - Mỹ Đức - Hà Nội	CĐ ĐDK8B	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
4	Đinh Ngọc Trung	22/10/1998	An Phú - Mỹ Đức - Hà Nội	CĐ ĐDK8H	DT+HN + 135	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
5	Nguyễn Trọng Quang	24/11/1997	Tân Ước - Thanh Oai - Hà Nội	CĐ ĐDK8I	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
6	Phạm Thị Út	05/02/1998	Bích Hòa - Thanh Oai - Hà Nội	CĐ ĐDK8N	CĐHH	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
7	Nguyễn Tuấn Đạt	07/6/1999	Tân Triều - Thanh Trì - Hà Nội	CĐ ĐDK9B	CTB	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
8	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/9/1997	Tản Lĩnh - Ba Vì - Hà Nội	CĐ Dược K6A	DT + HCN	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
9	Đào Minh Tâm	01/6/1998	Trung Tú - Ứng Hòa - Hà Nội	CĐ Dược K6C	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
10	Lê Viết Hợp	10/8/1998	Hòa Phú - Ứng Hòa - Hà Nội	CĐ Dược K6C	CĐHH	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
11	Nguyễn Thị Khuyên	28/03/1998	Yên Trung - Thạch Thất - Hà Nội	CĐ Dược K6D	CBB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
12	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/01/1998	Phú Cường - Ba Vì - Hà Nội	CĐ HS 4A	CBB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
13	Nguyễn Đức Quyết	02/12/1997	Bình Phú - Thạch Thất - Hà Nội	CĐXN K4A	CTB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
14	Ứng Thị Hoa	09/7/1998	Vạn Kim - Mỹ Đức - Hà Nội	TC Dược 12A	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
15	Lê Xuân Tuấn Anh	30/10/1989	Cao Viên - Thanh Oai - Hà Nội	YS K7A	CBB	x	x	x	x	x	2016 - 2018	

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI CHÚ
						ĐĐN	GKS	HK	GCN/ THẺ	ĐCK		
16	Quản Thị Huyên	04/10/1999	Đồng Tiến - Ứng Hòa - Hà Nội	YS K8A	CBB	x	x	x	x	x	2017 - 2019	

Hà nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

Giải thích chữ viết tắt:

ĐĐN: Đơn đề nghị
GKS: Giấy khai sinh
HK: Hộ khẩu
GCN: Giấy chứng nhận
ĐCK: Giấy cam kết
HN: Hộ nghèo
HCN: Hộ cận nghèo
DT: Dân tộc
CĐHH: Chất độc hóa học
CTB: Con thương binh
CBB: Con bệnh binh

Người lập	P.TP QLHS-SV	TP KH-TC	Hiệu trưởng
Trịnh Thị Khuyên	Nguyễn Thị Ái Hương	Trần Thị Soa	Nguyễn Đăng Trường

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng
1	CTB	07
2	CBB	05
3	CĐHH	02
4	DT+HN + 135	01
5	DT + HCN	01

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ 100% - HỌC KỲ I - NĂM 2017-2018 - KHU VỰC NGOẠI TỈNH

Đối tượng con người có công, dân tộc hộ nghèo/hộ cận nghèo ở vùng 135, khuyết tật, mồ côi hộ nghèo

(Áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI CHÚ
						ĐĐN	GKS	HK	GCN /THẺ	ĐCK		
1	Đới Thị Hồng Ngọc	27/4/1997	Quảng Xương - Thanh Hóa	CĐ ĐDK7A	CTB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
2	Hoàng Phương Thảo	12/10/1997	Bản Rịa - Quang Bình - Hà Giang	CĐ ĐDK8A	DT+HN+135	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
3	Phạm Quyết Định	30/4/1997	Thạch Linh - TP. Hà Tĩnh - Hà Tĩnh	CĐ ĐDK8B	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
4	Trịnh Tuấn Anh	05/8/1995	Hoằng Quỳ-Hoằng Hóa-Thanh Hóa	CĐ ĐDK8D	CTB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/10/1998	Nam Sách - Hải Dương	CĐ ĐDK8E	CBB	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
6	Hoàng Lệ Dung	06/4/1997	Bản Rịa - Quang Bình - Hà Giang	CĐ ĐDK8N	DT+HN+135	x	x	x	x	x	2016 - 2019	
7	Hà Thị Linh	13/12/1999	Chiềng Hặc - Yên Châu - Sơn La	CĐ ĐDK9G	DT+HN	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
8	Hoàng Thị Hiền	21/04/1997	Bình Thuận - Văn Chấn - Yên Bái	CĐ ĐDK9H	DT+HN	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
9	Nguyễn Thị Nga	07/11/1997	Thiệu Hóa - Thanh Hóa	CĐ Dược K5C	CBB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
10	Nguyễn Thị Thanh Phượng	13/3/1999	Hoằng Châu - Cát Hải - Thái Bình	CĐ Dược K7A	HN + KT + MC	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
11	Đào Danh Hoàng	16/11/1999	Đông Sơn - Đô Lương - Nghệ An	CĐ Dược K7B	CTB	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
12	Đinh Thị Thùy Dung	07/02/1999	Trần Phú - TP. Hà Giang - Hà Giang	CĐ Dược K7C	CTB	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
13	Nông Thị Na	01/02/1999	Đông Khê - Thạch An - Cao Bằng	CĐ Dược K7H	DT+HN	x	x	x	x	x	2017 - 2020	Mất BC GKS
14	Trần Thị Thái Hà	04/7/1997	Điện Biên - Lai Châu	CĐXN K4A	CTB	x	x	x	x	x	2015 - 2018	
15	Đỗ Huyền Diệu	20/7/1997	Thăng Long - Đông Hưng - Thái Bình	TC Dược 12A	CĐHH	x	x	x	x	x	2016 - 2018	
16	Lê Thị Huệ An	08/01/1998	Nghi Mỹ - Nghi Lộc - Nghệ An	TC Dược 12A	HN + KT	x	x	x	x	x	2016 - 2018	

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI C
						ĐĐN	GKS	HK	GCN /THẺ	ĐCK		
17	Quách Thị Linh	02/03/1998	An Lạc - Lạc Thủy - Hòa Bình	TC Dược 12A	DT + HCN	x	x	x	x	x	2016 - 2018	

Hà nội, ngày 8 tháng 12 năm 2017

Giải thích chữ viết tắt:

ĐĐN: Đơn đề nghị
GKS: Giấy khai sinh
HK: Hộ khẩu
GCN: Giấy chứng nhận
ĐCK: Giấy cam kết
HN: Hộ nghèo
HCN: Hộ cận nghèo
DT: Dân tộc
CĐHH: Chất độc hóa học
CTB: Con thương binh
CBB: Con bệnh binh
KT: Khuyết tật
MC: Mồ côi

Người lập	P.TP QL HS-SV	TP KH-TC	Hiệu trưởng
Trịnh Thị Khuyên	Nguyễn Thị Ái Hương	Trần Thị Soa	Nguyễn Đăng Trường

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng
1	CTB	06
2	CBB	02
3	CĐHH	01
4	DT+HN+135	02
5	DT + HN	03
6	DT + HCN	01
7	HN + KT	01
8	HN + KT + MC	01

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ 70% - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2017-2018 - KHU VỰC HÀ NỘI

Đối tượng người dân tộc vùng 135

(Áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI CHÚ
						ĐĐN	GKS	HK	GCN/ THẺ	ĐCK		
1	Trần Thị Châu Nhi	23/02/1997	An Phú - Mỹ Đức - Hà Nội	CĐ Dược K5B	DT + 135	x	x	x	x	x	2015 - 2018	

Hà nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

Giải thích chữ viết tắt:

ĐĐN: Đơn đề nghị
GKS: Giấy khai sinh
HK: Hộ khẩu
GCN: Giấy chứng nhận
ĐCK: Giấy cam kết
HN: Hộ nghèo
HCN: Hộ cận nghèo
DT: Dân tộc
CĐHH: Chất độc hóa học
CTB: Con thương binh
CBB: Con bệnh binh
KT: Khuyết tật

Người lập	P.TP QLHS-SV	TP KH-TC	Hiệu trưởng
Trịnh Thị Khuyên	Nguyễn Thị Ái Hương	Trần Thị Soa	Nguyễn Đăng Trường

STT	Đối tượng	Số lượng
1	DT+135	01

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ Y TẾ HÀ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ 70% - HỌC KỲ I - NĂM 2017-2018 - KHU VỰC NGOẠI TỈNH

Đối tượng người dân tộc vùng 135

(Áp dụng theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	QUÊ QUÁN	TÊN LỚP	ĐỐI TƯỢNG	GIẤY TỜ KÈM THEO KÈM THEO					KHÓA HỌC	GHI CHÚ
						ĐDN	GKS	HK	GCN/ THẺ	ĐCK		
1	Bùi Thị Duyên	02/01/1996	Yên Nghiệp - Lạc Sơn - Hòa Bình	CĐ ĐDK9G	DT + 135	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
2	Nguyễn Hương Thùy	15/8/1999	Đú Sáng - Kim Bôi - Hòa Bình	CĐ ĐDK9G	DT + 135	x	x	x	x	x	2017 - 2020	
3	Bùi Thị Thảo Hiền	11/6/1999	Đông Bắc - Kim Bôi - Hòa Bình	CĐ Dược K7H	DT + 135	x	x	x	x	x	2017 - 2020	

Hà nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

Giải thích chữ viết tắt:

ĐDN: Đơn đề nghị
GKS: Giấy khai sinh
HK: Hộ khẩu
GCN: Giấy chứng nhận
ĐCK: Giấy cam kết
HN: Hộ nghèo
HCN: Hộ cận nghèo
DT: Dân tộc

Người lập	P.TP QLHS-SV	TP KH-TC	Hiệu trưởng
Trịnh Thị Khuyên	Nguyễn Thị Ái Hương	Trần Thị Soa	Nguyễn Đăng Trường

STT	Đối tượng	Số lượng
1	DT+135	03